

Ngày 15/06/2026



# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN



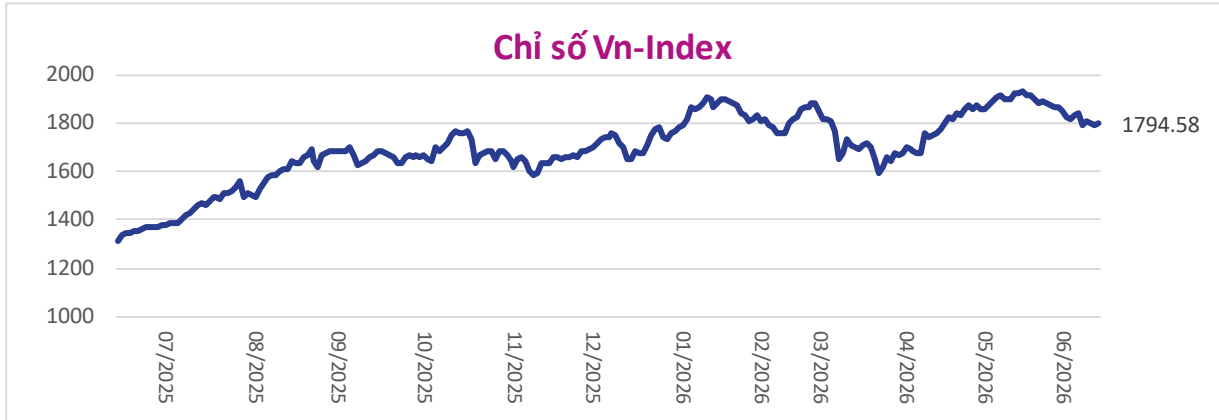
## Tổng quan thị trường

(Cập nhật 11:30)

1794.58

2.93

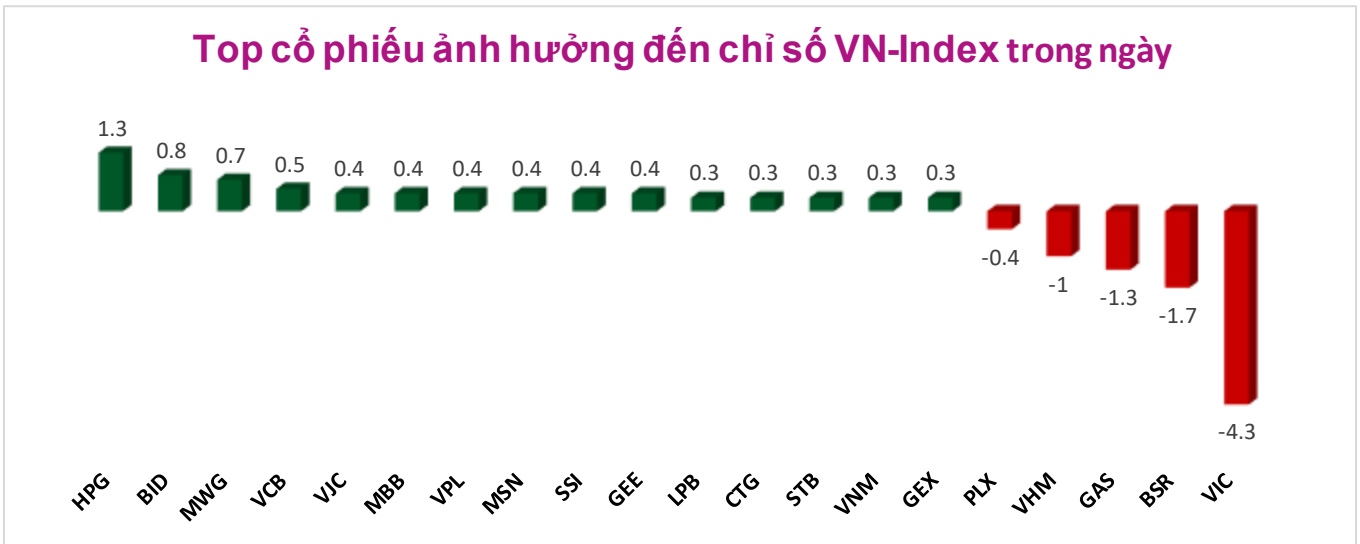
0.16%



Phiên giao dịch sáng ngày 15/06/2026, chỉ số Vn-Index đang tăng nhẹ, tuy nhiên số lượng mã tăng giá không nhiều. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 2,93 điểm, nhưng vẫn đang vận động dưới đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: BID(+1,2%), HPG(+3,2%), VNM(+1,0%), MBB(+1,0%), trong khi đó một số mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: GAS(-3,1%), VIC(-1,3%).

Trong tháng 6/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -10.930 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -76.437 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang bán ròng -476 tỷ đồng.

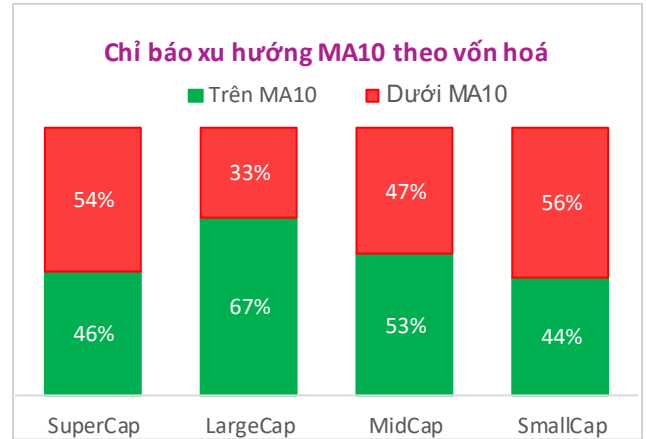
## Nhóm dẫn dắt thị trường



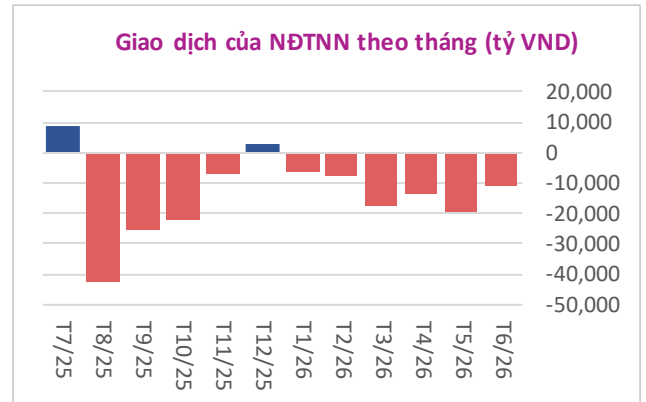
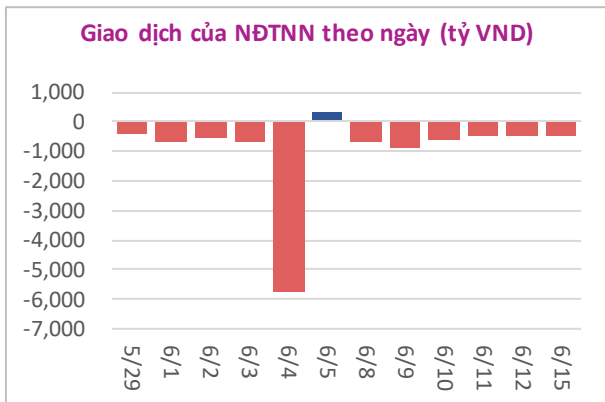
# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

## Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

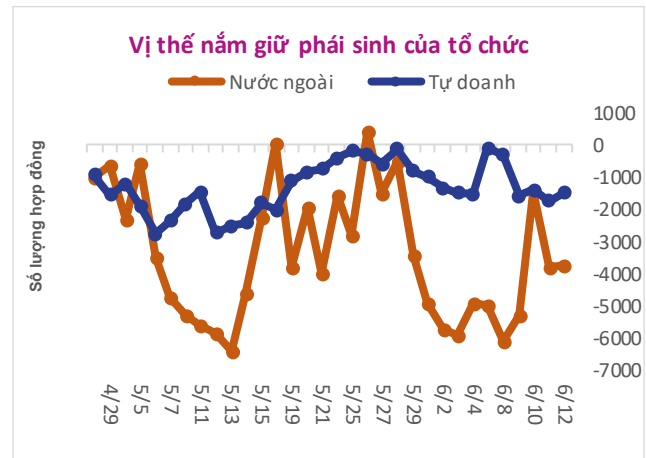
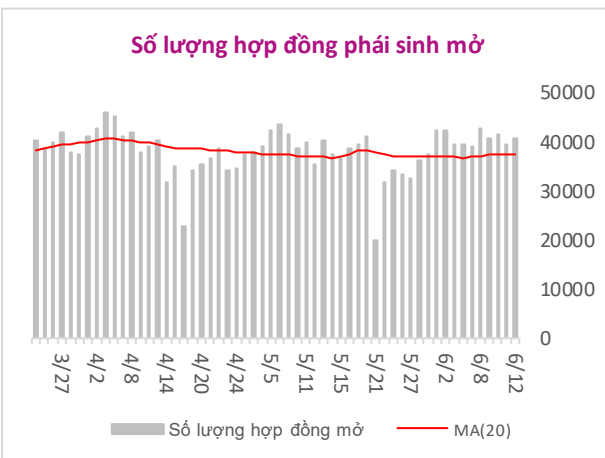
| Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành |              |               |
|----------------------------------|--------------|---------------|
| Ngân hàng ↑                      | Bất động sản | Chứng khoán ↑ |
| Thép ↑                           | Phân bón ↓   | Công nghệ ↓   |
| Dầu khí ↓                        | Khu CN ↓     | Thủy sản      |
| Bảo hiểm ↓                       | Xây dựng ↓   | Cảng biển ↑   |
| Mía đường                        | Bán lẻ ↓     | Dệt may ↓     |



## Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

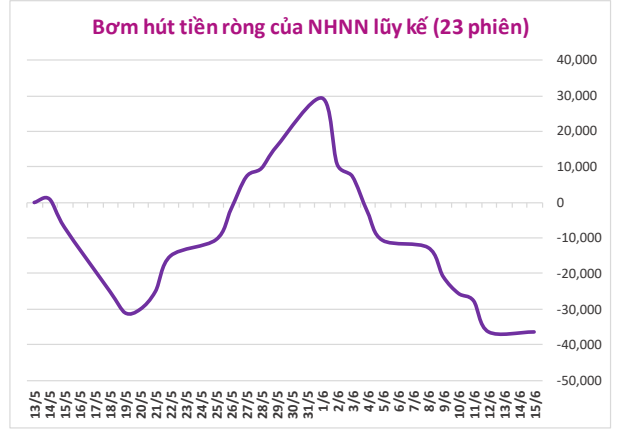
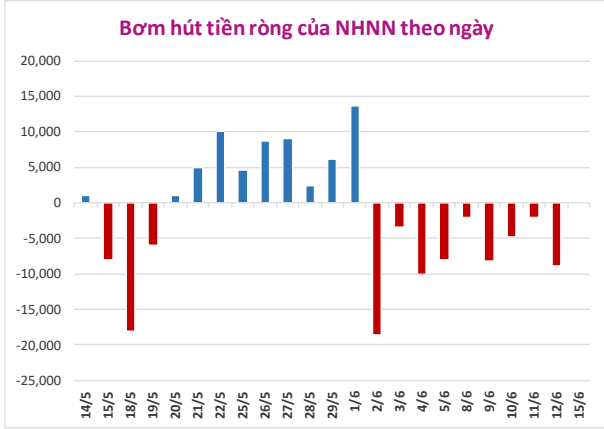


## Thị trường phái sinh VN30



Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

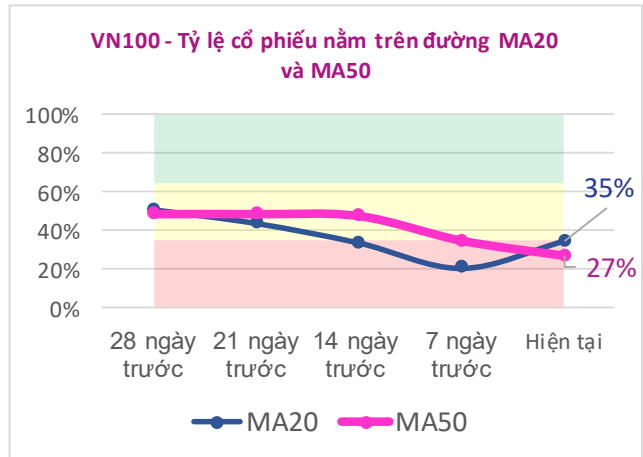
# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG



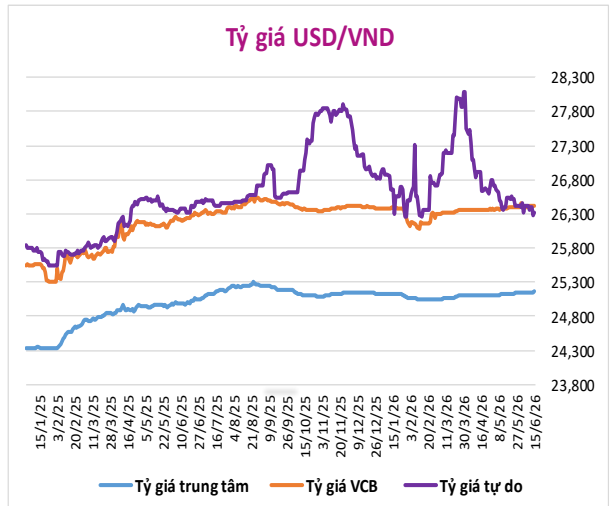
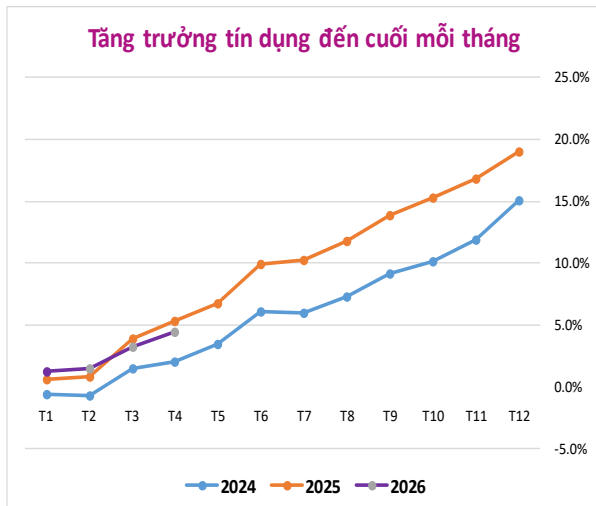
## Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

|            |            |            |            |            |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| GVR (+1.4) | ACB (+1.3) | HPG (+1.2) | VCB (+1.1) | VJC (+0.9) |
| MBB (+0.9) | BID (+0.9) | VPB (+0.8) | TCB (+0.8) | MSB (+0.7) |
| STB (+0.7) | VNM (+0.7) | MWG (+0.7) | CTG (+0.6) | VRE (-0.6) |
| GAS (-0.7) | PLX (-0.8) | BSR (-2.2) | VIC (-3.4) | VHM (-8.0) |

## Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50



## Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

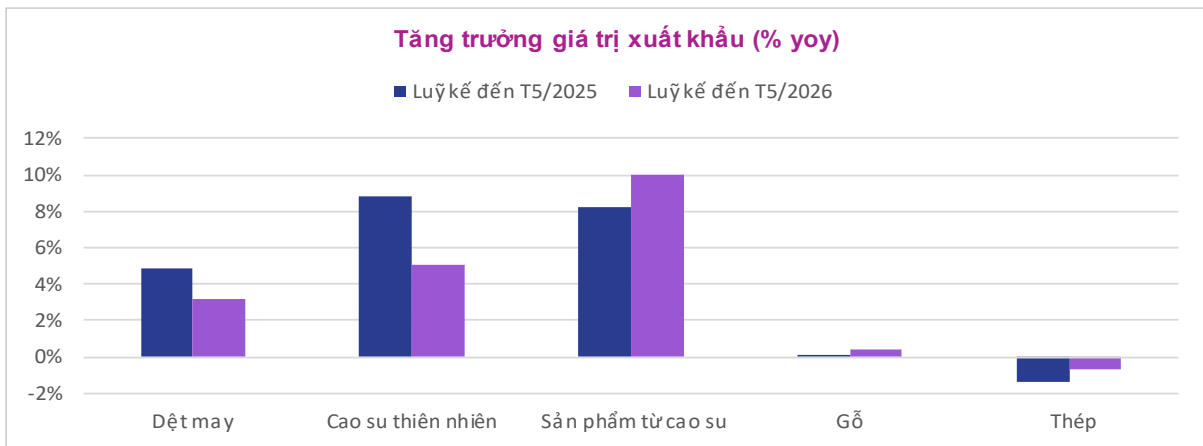


# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

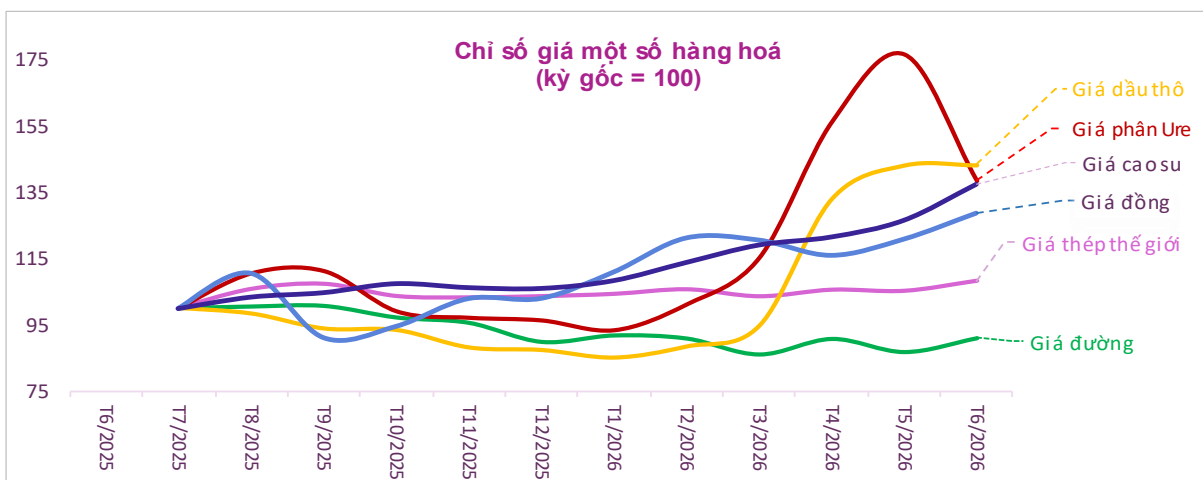
## Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

| Chỉ tiêu                       | 03/2026 | 04/2026 | 05/2026 | Nhận xét  |
|--------------------------------|---------|---------|---------|---|
| Chỉ số PMI                     | 51.2    | 50.5    | 52.8    | PMI duy trì trên 50 điểm, tăng so với 2 tháng trước đó, một phần nhờ nỗ lực tích trữ hàng hoá |
| Sản xuất công nghiệp (YoY)     | 6.9%    | 9.9%    | 8.8%    | Duy trì tăng trưởng dương và khá ổn định  |
| Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY) | 12.1%   | 12.1%   | 11.8%   | Duy trì tăng trưởng dương và khá ổn định  |
| Kim ngạch xuất khẩu (YoY)      | 20.1%   | 22.8%   | 18.0%   | Duy trì tăng trưởng dương và khá ổn định  |
| Kim ngạch nhập khẩu (YoY)      | 27.8%   | 35.7%   | 33.8%   | Duy trì tăng trưởng dương và khá ổn định  |
| Tỷ lệ lạm phát (YoY)           | 4.7%    | 5.5%    | 5.6%    | Lạm phát tiếp tục tăng mạnh đáng lo ngại  |
| Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)       | 0.5%    | 0.0%    | 0.10%   | Tỷ giá vẫn đang bình ổn   |

## Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



## Diễn biến giá một số loại hàng hoá



## Danh mục theo dõi trung hạn

| STT | Mã  | Ngành           | Chỉ số cơ bản      |                    |                           |                           | Chỉ số định giá                  |                                  |            |        | Giá thị trường (15/6/26) |         |         |
|-----|-----|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------------|----------------------------------|------------|--------|--------------------------|---------|---------|
|     |     |                 | % LNST Q3/25 (YoY) | % LNST Q4/25 (YoY) | Biên lợi nhuận ròng Q3/25 | Biên lợi nhuận ròng Q4/25 | ROE Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM) | ROA Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM) | Book Value | EPS    |                          | P/B     | P/E     |
| 1   | ACB | Ngân hàng       | 10.6%              | -38.7%             | 51.1%                     | 33.9%                     | 17.6%                            | 1.7%                             | 18,401     | 3,042  | 1.24                     | 7.5     | 22,800  |
| 2   | ANV | Thủy sản        | 915.5%             | 4610.8%            | 14.2%                     | 11.9%                     | 31.6%                            | 18.7%                            | 13,226     | 3,748  | 1.56                     | 5.5     | 20,600  |
| 3   | BFC | Phân bón        | 14.0%              | -29.9%             | 3.6%                      | 2.8%                      | 19.3%                            | 8.6%                             | 29,657     | 7,003  | 1.83                     | 7.8     | 54,400  |
| 4   | BID | Ngân hàng       | 16.7%              | 45.3%              | 28.8%                     | 38.2%                     | 18.8%                            | 1.0%                             | 24,726     | 4,342  | 1.68                     | 9.6     | 41,550  |
| 5   | BMP | VLXD            | 21.0%              | 13.2%              | 22.9%                     | 20.3%                     | 44.0%                            | 37.4%                            | 35,151     | 15,010 | 3.92                     | 9.2     | 137,900 |
| 6   | BSR | Đầu khí         | 175.1%             | 3739.7%            | 2.6%                      | 8.1%                      | 8.9%                             | 6.0%                             | 12,079     | 1,036  | 2.20                     | 25.6    | 26,550  |
| 7   | CTD | Xây dựng        | 217.2%             | 117.8%             | 4.0%                      | 2.3%                      | 8.6%                             | 2.5%                             | 90,563     | 7,540  | 0.78                     | 9.4     | 70,800  |
| 8   | CTG | Ngân hàng       | 63.9%              | 12.3%              | 37.8%                     | 47.4%                     | 21.1%                            | 1.3%                             | 23,129     | 4,488  | 1.45                     | 7.5     | 33,600  |
| 9   | CTR | Xây dựng        | 15.5%              | 8.8%               | 4.3%                      | 4.1%                      | 30.5%                            | 7.8%                             | 18,086     | 5,242  | 4.77                     | 16.5    | 86,300  |
| 10  | DCM | Phân bón        | 171.9%             | 16.6%              | 11.0%                     | 10.3%                     | 18.7%                            | 11.7%                            | 20,390     | 3,706  | 1.84                     | 10.1    | 37,550  |
| 11  | DGC | Hóa chất        | 9.0%               | -16.3%             | 28.6%                     | 24.0%                     | 20.8%                            | 17.1%                            | 40,566     | 8,397  | 1.17                     | 5.6     | 47,400  |
| 12  | DGW | Bán lẻ          | 39.2%              | 10.3%              | 2.3%                      | 2.0%                      | 16.9%                            | 5.5%                             | 15,690     | 2,508  | 2.53                     | 15.8    | 39,700  |
| 13  | DHA | Khai thác đá    | 111.3%             | 146.3%             | 32.8%                     | 18.4%                     | 24.0%                            | 21.7%                            | 32,319     | 7,258  | 1.49                     | 6.6     | 48,100  |
| 14  | FOX | Viễn thông      | 26.2%              | 22.8%              | 18.4%                     | 17.3%                     | 31.2%                            | 13.7%                            | 15,202     | 4,719  | 5.18                     | 16.7    | 78,800  |
| 15  | FPT | Phần mềm        | 17.1%              | 19.5%              | 16.9%                     | 14.8%                     | 23.6%                            | 11.7%                            | 25,683     | 6,590  | 2.87                     | 11.2    | 73,700  |
| 16  | GAS | Đầu khí         | 1.3%               | -32.4%             | 7.3%                      | 3.2%                      | 17.7%                            | 13.0%                            | 28,038     | 4,796  | 2.94                     | 17.2    | 82,500  |
| 17  | GEG | Điện            | 267.5%             | 676.3%             | 11.9%                     | 16.3%                     | 11.5%                            | 4.6%                             | 15,665     | 2,282  | 0.86                     | 5.9     | 13,400  |
| 18  | GMD | Dịch vụ         | -3.6%              | 76.4%              | 27.7%                     | 40.9%                     | 11.7%                            | 8.9%                             | 34,842     | 5,162  | 2.24                     | 15.11   | 78,000  |
| 19  | HAG | Nông nghiệp     | 23.1%              | 345.5%             | 22.8%                     | 50.7%                     | 18.1%                            | 8.6%                             | 11,191     | 1,762  | 1.36                     | 8.65    | 15,250  |
| 20  | HDG | Bất động sản    | 85.0%              | 482.5%             | 47.2%                     | 42.2%                     | 9.0%                             | 4.9%                             | 22,644     | 2,570  | 0.94                     | 8.27    | 21,250  |
| 21  | HHV | Xây dựng        | 23.3%              | 58.1%              | 16.7%                     | 16.7%                     | 5.1%                             | 1.5%                             | 24,481     | 1,364  | 0.47                     | 8.47    | 11,550  |
| 22  | HPG | Thép            | 32.8%              | 38.4%              | 11.0%                     | 8.4%                      | 12.6%                            | 6.4%                             | 17,096     | 2,021  | 1.40                     | 11.85   | 23,950  |
| 23  | HT1 | Xi măng         | 278.5%             | 413.6%             | 4.6%                      | 4.3%                      | 5.5%                             | 3.5%                             | 13,336     | 718    | 1.02                     | 18.95   | 13,600  |
| 24  | KBC | Bất động sản    | 54.8%              | 2477.5%            | 23.2%                     | 40.3%                     | 9.1%                             | 3.8%                             | 28,399     | 2,365  | 1.07                     | 12.90   | 30,500  |
| 25  | KDH | Bất động sản    | 692.5%             | 101.7%             | 47.9%                     | 43.7%                     | 5.2%                             | 3.2%                             | 18,865     | 1,456  | 1.22                     | 15.87   | 23,100  |
| 26  | LCG | Xây dựng        | 9.6%               | 130.2%             | 7.1%                      | 4.7%                      | 5.7%                             | 2.2%                             | 13,112     | 723    | 0.71                     | 12.84   | 9,280   |
| 27  | MCH | Thực phẩm       | -18.9%             | -11.1%             | 22.6%                     | 22.7%                     | 44.5%                            | 21.6%                            | 17,480     | 6,336  | 7.41                     | 20.44   | 129,500 |
| 28  | MML | Thực Phẩm       | 419.5%             | 79.6%              | 4.3%                      | 6.3%                      | 11.6%                            | 5.0%                             | 15,282     | 1,819  | 1.96                     | 16.49   | 30,000  |
| 29  | MSH | Hàng May mặc    | 54.2%              | 17.4%              | 12.2%                     | 14.6%                     | 28.7%                            | 13.3%                            | 19,626     | 5,962  | 1.74                     | 5.74    | 34,200  |
| 30  | MSN | Thực phẩm       | 43.4%              | 48.4%              | 8.8%                      | 9.9%                      | 9.6%                             | 3.0%                             | 29,647     | 4,448  | 2.44                     | 16.28   | 72,400  |
| 31  | MSR | Khai khoáng     | 101.5%             | 207.9%             | 0.3%                      | 9.3%                      | 0.1%                             | 0.0%                             | 11,076     | 10     | 3.52                     | 3798.24 | 39,000  |
| 32  | MWG | Bán lẻ          | 121.4%             | 144.9%             | 4.5%                      | 4.9%                      | 23.0%                            | 9.1%                             | 22,575     | 4,814  | 3.48                     | 16.31   | 78,500  |
| 33  | NAF | Nước trái cây   | 55.8%              | 26.3%              | 7.0%                      | 7.6%                      | 16.5%                            | 6.7%                             | 11,491     | 2,140  | 4.38                     | 23.51   | 50,300  |
| 34  | NLG | Bất động sản    | 679.5%             | -62.1%             | 12.5%                     | 29.6%                     | 4.8%                             | 2.5%                             | 30,559     | 1,951  | 0.84                     | 13.17   | 25,700  |
| 35  | NT2 | Điện            | 383.5%             | 641.4%             | 11.1%                     | 21.9%                     | 25.0%                            | 12.6%                            | 16,880     | 3,926  | 1.34                     | 5.78    | 22,700  |
| 36  | NTP | VLXD            | 49.9%              | -6.3%              | 16.0%                     | 10.8%                     | 25.1%                            | 14.8%                            | 24,742     | 5,805  | 2.01                     | 8.56    | 49,700  |
| 37  | PLX | Đầu khí         | 441.0%             | 14.2%              | 0.8%                      | 0.9%                      | 9.2%                             | 3.2%                             | 22,781     | 2,305  | 1.70                     | 16.81   | 38,750  |
| 38  | POW | Điện            | 109.2%             | 585.3%             | 12.1%                     | 7.9%                      | 6.5%                             | 2.8%                             | 13,307     | 1,019  | 1.01                     | 13.24   | 13,500  |
| 39  | PVS | Đầu khí         | 73.3%              | 73.5%              | 3.5%                      | 9.9%                      | 11.8%                            | 5.0%                             | 31,694     | 3,722  | 1.18                     | 10.05   | 37,400  |
| 40  | QNS | Đường           | -28.4%             | -2.8%              | 14.2%                     | 22.4%                     | 18.6%                            | 13.6%                            | 28,956     | 5,231  | 1.67                     | 9.23    | 48,300  |
| 41  | SBT | Đường           | -13.0%             | -19.2%             | 3.7%                      | 2.8%                      | 6.7%                             | 2.2%                             | 13,938     | 866    | 1.55                     | 25.00   | 21,650  |
| 42  | SHB | Ngân hàng       | 49.8%              | 8.3%               | 40.7%                     | 39.0%                     | 19.1%                            | 1.5%                             | 14,800     | 2,605  | 0.94                     | 5.32    | 13,850  |
| 43  | SIP | Bất động sản    | 21.7%              | 6.3%               | 17.1%                     | 17.4%                     | 25.3%                            | 5.0%                             | 24,181     | 6,303  | 2.13                     | 8.15    | 51,400  |
| 44  | STB | Ngân hàng       | 31.8%              | -176.5%            | 33.0%                     | -35.8%                    | 10.3%                            | 0.7%                             | 31,756     | 3,150  | 2.25                     | 22.73   | 71,600  |
| 45  | TCB | Ngân hàng       | 14.2%              | 104.1%             | 46.4%                     | 47.2%                     | 15.4%                            | 2.3%                             | 25,331     | 3,663  | 1.24                     | 8.56    | 31,350  |
| 46  | TCM | Hàng May mặc    | -21.4%             | -24.2%             | 7.1%                      | 5.4%                      | 11.4%                            | 6.7%                             | 21,823     | 2,419  | 0.93                     | 8.37    | 20,250  |
| 47  | TRC | Cao su          | 60.4%              | -68.8%             | 49.0%                     | 15.2%                     | 13.1%                            | 11.5%                            | 69,312     | 8,669  | 1.10                     | 8.79    | 76,200  |
| 48  | VCB | Ngân hàng       | 5.3%               | 0.7%               | 50.0%                     | 45.0%                     | 16.6%                            | 1.6%                             | 27,231     | 4,213  | 2.27                     | 14.69   | 61,900  |
| 49  | VGT | Hàng May mặc    | 56.0%              | 57.7%              | 7.1%                      | 8.4%                      | 9.1%                             | 4.4%                             | 20,090     | 2,666  | 0.56                     | 4.20    | 11,200  |
| 50  | VHC | Thủy sản        | 33.5%              | -43.4%             | 13.1%                     | 9.0%                      | 14.4%                            | 10.6%                            | 44,495     | 6,465  | 1.30                     | 8.94    | 57,800  |
| 51  | VJC | Hàng không      | -43.9%             | 43618.4%           | 1.9%                      | 1.7%                      | 10.1%                            | 1.8%                             | 42,005     | 3,589  | 4.39                     | 51.35   | 184,300 |
| 52  | VNM | Sản phẩm từ sữa | 4.5%               | 31.7%              | 14.8%                     | 16.6%                     | 26.6%                            | 17.4%                            | 16,499     | 4,504  | 3.61                     | 13.23   | 59,600  |
| 53  | VPB | Ngân hàng       | 76.8%              | 61.1%              | 36.6%                     | 36.2%                     | 14.6%                            | 2.2%                             | 22,722     | 3,070  | 1.15                     | 8.50    | 26,100  |
| 54  | VTP | Vận tải         | -20.2%             | 17.3%              | 1.7%                      | 2.6%                      | 24.1%                            | 5.8%                             | 14,519     | 3,348  | 4.45                     | 19.30   | 64,600  |

## Tín hiệu kỹ thuật đáng chú ý

| Mã  | Thời gian          | Mẫu nến        | Giá cổ phiếu |
|-----|--------------------|----------------|--------------|
| DGC | 15/6/2026 11:30 AM | Break Out      | 47.4         |
| BSR | 15/6/2026 11:30 AM | Bearish PinBar | 26.55        |

## Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.